

Bản án số: **146/2021/DS- PT**

Ngày: 25/10/2021

V/v: “*Tranh chấp BTTH về tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phan Thị Tuyết Mai**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Trang Thư**

Ông Nguyễn Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2021/TLPT-DS ngày 06 tháng 5 năm 2021 về “*Tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 176/2021/QĐPT-DS ngày 25 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành T**, sinh năm 1952 (Có mặt)

Địa chỉ: KV A, phường K, quận T, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông **Hồ Thành T0**, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Địa chỉ: KV A, phường K, quận T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/01/2016, đơn bổ sung ngày 01/12/2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thành T trình bày:

Vào ngày 06/4/2012, Cơ quan Thi hành án dân sự quận T thi hành Bản án số 162/2011/DSPT ngày 14/9/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, trong quá trình thi hành án có đốn 04 cây cổ thụ (cây Bần) được trồng trên phần

đất tranh chấp; cùng ngày ông Nguyễn Thành T và ông Hồ Thành T0 lập tờ cam kết rằng ông T0 hứa sẽ bồi thường 04 cây cổ thụ cho ông nếu Tòa án nhân dân tối cao chấp thuận xét xử lại vụ án. Ngày 24/11/2014, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 463/2014/DS-GĐT quyết định hủy bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và hủy bản án dân sự sơ thẩm số 127/2010/DSST ngày 05/8/2010 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ về vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” và giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

Do vậy, nguyên đơn ông T căn cứ vào tờ cam kết và Quyết định giám đốc thẩm nêu trên để yêu cầu bị đơn ông T0 phải bồi thường 04 cây Bần cho ông. Qua nhiều lần thay đổi yêu cầu thì ông xác định yêu cầu ông T0 phải bồi thường giá trị 04 cây Bần cho ông với tổng số tiền là 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

* Bị đơn ông Hồ Thành T0 trình bày: Ông thừa nhận có viết tờ cam kết ngày 06/4/2012 và có đốn 04 cây Bần trưởng thành nhưng những cây Bần không phải do ông T trồng mà cây tự mọc trên phần đất tranh chấp và phần đất tranh chấp gia đình ông sử dụng từ trước đến nay. Trường hợp Tòa án giải quyết phần đất tranh chấp cho ông T thì ông đồng ý bồi thường giá trị 04 cây Bần cho ông T theo giá nhà nước, còn nếu giải quyết phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng cho ông thì ông không đồng ý bồi thường cho ông T.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, theo yêu cầu của đương sự Tòa án đã tiến hành định giá tài sản theo quy định. Hội đồng định giá 04 cây Bần (loại giá cao nhất) có giá 1.000.000 đồng/cây x 4 cây = 4.000.000 đồng.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Tòa án nhân dân quận Bình Thủy đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 08/2021/DS-ST ngày 09 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận T đã tuyên như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì không có cơ sở.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, ngày 26 tháng 4 năm 2021 nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

* **Nguyên đơn** yêu cầu ông T0 bồi thường thiệt hại 04 cây Bần cho ông với tổng giá trị là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) dựa trên cơ sở Quyết định giám đốc thẩm và tờ cam kết ngày 06/04/2012, yêu cầu ông T0 phải bồi thường thêm phần xây kè (do cây Bần không còn để chống sạt lở đất) số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) và số tiền mà bị đơn cho người

khác thuê đất trên đất tranh chấp mà theo ông xác định đó là đất của ông cụ thể bị đơn đã cho người khác thuê 09 năm với tổng số tiền là 180.000.000 đồng.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của bị đơn trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung: Qua xem xét lời trình bày của bị đơn, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: ông T khởi kiện, yêu cầu ông T0 bồi thường giá trị 4 cây bần. Ông T0 đồng ý bồi thường nếu giải quyết phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông T, ngược lại thì không đồng ý bồi thường. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông T kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng bồi thường cây 25.000.000 đồng và đất bị sạt lở 120.000.000 đồng, xét thấy: theo nội dung tờ cam kết ngày 06/4/2012 thể hiện, trên phần đất ông T giao cho ông T0 có 04 cây bần trưởng thành. Ông T đang khiếu nại diện tích đất mà ông T giao cho ông T0 đến Tòa án nhân dân tối cao. Nếu Tòa án quyết định ông T0 phải giao lại diện tích đất 133,4m² cho ông T thì ông T0 bồi thường giá trị 04 cây bần cho ông T theo giá quy định của nhà nước, nếu Tòa quyết định y án sơ thẩm và phúc thẩm thì ông T0 không phải bồi thường. Ngày 24/11/2014, Tòa Dân sự, Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 463, quyết định hủy bản án sơ thẩm và phúc thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận T xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật. Ngày 20/11/2020, Tòa án nhân dân quận T ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa ông T0 và ông T do ông T0 được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, ông T đồng ý đình chỉ giải quyết vụ án và không yêu cầu giải quyết hậu quả của việc thi hành án.

Xét thấy, tài sản ông T yêu cầu bồi thường nằm trên phần đất tranh chấp giữa ông T0 và ông T nhưng tranh chấp chưa được giải do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là phù hợp. Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp nên không được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2021/DS-ST ngày 09/3/2021 của Tòa án nhân dân quận Thốt Nốt, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; của luật sư và những người tham gia tố tụng khác.

[1] Về quan hệ pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông T0 bồi thường thiệt hại 04 cây Bần do trong quá trình thi hành bản án dân sự ông T0 đã đốn. Do đó, cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết vụ án với quan hệ pháp luật tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản là phù hợp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn kháng cáo yêu cầu ông T0 bồi thường thiệt hại 04 cây Bần cho ông với tổng giá trị là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) dựa trên cơ sở Quyết định giám đốc thẩm và tờ cam kết ngày 06/04/2012, ngoài ra, tại cấp phúc thẩm ông còn yêu cầu ông T0 phải bồi thường thêm phần xây kè (do cây Bần không còn để chống sạt lở đất) số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) và số tiền mà bị đơn cho người khác thuê đất trên đất tranh chấp mà theo ông xác định đó là đất của ông cụ thể bị đơn đã cho người khác thuê 09 năm với tổng số tiền là 180.000.000 đồng. HĐXX thấy rằng nguyên đơn ông T căn cứ vào “tờ cam kết” ngày 06/04/2012 và Quyết định giám đốc thẩm số 463/2014/DS-GĐT ngày 24/11/2014 của Tòa Dân sự, Tòa án nhân dân tối cao để yêu cầu bị đơn ông T0 phải bồi thường thiệt hại cho ông. Xét tại tờ cam kết (bút lục 09) giữa ông T và ông T0 có nội dung ông T0 cam kết bồi thường nếu Tòa án quyết định giao phần đất tranh chấp cho ông T, trong khi quyết định giám đốc thẩm của Tòa dân sự, Tòa án nhân dân tối cao đã hủy cả hai bản án sơ thẩm và phúc thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm. Như vậy, tài sản ông T yêu cầu bồi thường nằm trên phần đất tranh chấp giữa ông T0 và ông T nhưng tranh chấp này chưa được giải quyết nên không xác định được phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông T hay ông T0. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T là phù hợp.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như đã nêu trên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Chi phí đo đạc, định giá: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành định giá tài sản với chi phí là 1.000.000 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu chi phí này theo quy định tại Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí. Tuy nhiên ông T thuộc diện người cao tuổi nên

xem xét miễn án phí theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 của UB thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 275, Điều 584 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Y bản án sơ thẩm.

Chi phí đo đạc, định giá: nguyên đơn phải chịu chi phí là 1.000.000 đồng.
Chi phí này đã nộp xong.

Về án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Thành T được miễn án phí do thuộc diện người cao tuổi. Ông Nguyễn Thành T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ theo biên lai thu tiền số 002728 ngày 01/03/2016.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND.TP.Cần Thơ;
- THADS Q.T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Tuyết Mai